

Kinh tế và Dự báo



ECONOMY
AND
FORECAST
REVIEW

8

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ISSN 0866.7120

Thu ngân sách nhà nước năm 2013

- ➔ Kinh tế Việt Nam: Phân tích - Nhận định - Dự báo
- ➔ Nâng cao hiệu quả dịch vụ Logistics tại cảng biển Việt Nam



Ảnh: Tàu ăn hàng tại Tân Cảng Thành phố Hồ Chí Minh

Điều gì ảnh hưởng tới ý định vay của các hộ kinh doanh cá thể

TS. PHẠM HỒNG MẠNH -

Trưởng Đại học Nha Trang

ThS. ĐÔNG TRUNG CHÍNH -

Trưởng Đại học Công nghiệp Hà Nội

Nghiên cứu của nhóm tác giả nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố tới ý định sử dụng dịch vụ vốn vay ngân hàng của của hộ kinh doanh cá thể, trường hợp tại tỉnh Nam Định. Từ đó, đưa ra một số gợi ý cho các cơ quan hoạch định chính sách, các ngân hàng trong xây dựng chính sách tín dụng.

MÔ HÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thuyết hành vi dự định - TPB (Theory of Planned Behavior) là sự mở rộng từ mô hình Thuyết hành động hợp lý - TRA (Theory of Reasoned Action) của Fishbein (Fishbein & Ajenz, 1975). Theo TPB, hành vi con người được dẫn dắt bởi ba yếu tố, đó là: niềm tin về hành vi (behavioral beliefs), niềm tin quy chuẩn (normative beliefs) và niềm tin kiểm soát (control beliefs). Như vậy, niềm tin về hành vi tạo ra thái độ thích hay không thích về hành vi; niềm tin quy chuẩn tạo ra áp lực xã hội nhận thức hay chuẩn chủ quan và niềm tin kiểm soát làm gia tăng sự kiểm soát hành vi nhận thức. Ba điều này hình thành nên ý định hành vi.

Nghiên cứu này sử dụng mô hình TPB của Fishbein và Ajzen để giải thích ý định của hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh Nam Định trong việc sử dụng dịch vụ tín

dụng ngân hàng. Nghiên cứu đã đưa vào các biến thể hiện niềm tin và sự đánh giá, niềm tin quy chuẩn và động cơ, niềm tin kiểm soát và sự thuận tiện bao gồm: thái độ/sở thích, sự thuận tiện, trách nhiệm và yếu tố về điều kiện vay vốn.

Các giả thuyết được đề nghị để kiểm định trong nghiên cứu này như sau:

(H1): Thái độ/sở thích có tác động dương đối với ý định vay vốn.

(H2): Sự không thuận tiện trong thủ tục vay có tác động ngược chiều đến ý định vay vốn của hộ kinh doanh.

(H3): Điều kiện vay có tác động dương đến ý định vay.

(H4): Trách nhiệm gia đình có tác động ngược chiều đến ý định vay vốn của hộ kinh doanh.

Để đo lường các khái niệm nghiên cứu, tác giả sử dụng thang đo Likert 5 mức độ với 1: hoàn toàn không đồng ý cho đến 5 là hoàn toàn đồng ý cho 23 biến quan sát.

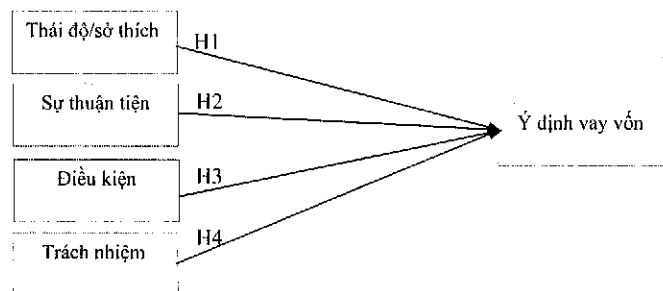
(H1) Được đo lường bằng 5 biến quan sát, bao gồm: số lượng vốn vay, lãi vay, kỳ trả lãi, thời gian đáo hạn và mức độ ưu đãi giành cho đối tượng là hộ kinh doanh cá thể;

(H2) Được đo lường bằng 4 biến quan sát: thủ tục vay, số lượng giấy tờ cần thực hiện, thời gian thực hiện và mức độ thuận tiện trong giao dịch với nhân viên;

(H3) Được đo lường bằng 5 biến quan sát: việc thế chấp tài sản, việc tín chấp bảo lãnh của hội nông dân tại địa phương, phương án sản xuất - kinh doanh, hộ nằm trong diện chính sách và mức độ thân quen với nhân viên tại ngân hàng;

(H4) Được đo lường với 5 biến quan sát: mức độ mong muốn được vay vốn của gia đình, kỳ vọng của gia

SƠ ĐỒ 1: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



định trong việc vay được vốn tại ngân hàng, kỳ vọng về mức tăng thu nhập của hộ khi vay vốn, trách nhiệm đối với các khoản vay và sự quan tâm về hiệu quả vốn vay.

Ý định vay vốn được đo lường bằng 3 biến quan sát, bao gồm: ý định và mức độ quan tâm đến các khoản vay tại ngân hàng, sự quan trọng của vốn vay trong phát triển kinh doanh và ý nghĩa của khoản vay trong việc nâng cao đời sống của hộ.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã thu thập 300 mẫu và sử dụng phương pháp lấy mẫu phi xác suất. Các mẫu quan sát được điều tra trực tiếp với các đối tượng là chủ hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Với 300 phiếu điều tra thu về, chỉ có 243 phiếu đủ yêu cầu thông tin cho phân tích, do một số hộ kinh doanh cá thể không trả lời đầy đủ các thông tin cần thiết.

Kết quả kiểm định thang đo

Thang đo được đánh giá thông qua các phương pháp: đánh giá độ tin cậy, phân tích nhân tố khám phá. Kiểm định thang đo thông qua sử dụng hệ số tin cậy Cronbach Alpha để kiểm định mức tương quan giữa các mục hỏi (biến quan sát). Nếu biến quan sát nào có mức tương quan so với biến tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại, đồng thời đảm bảo hệ số tin cậy lớn hơn 0,6. Kết quả kiểm định độ tin cậy của biến quan sát cho thấy, hệ số tương quan của biến quan sát sự ưu đãi giành cho hộ kinh doanh cá thể so với biến tổng trong biến thái độ là 0,2850; biến quan sát kỳ vọng của hộ trong việc vay được vốn tại ngân hàng trong biến trách nhiệm là 0,2732 và biến quan sát hộ kinh doanh nằm trong diện ưu đãi của ngân hàng trong biến điều kiện là 0,2453 đều nhỏ hơn 0,3 nên bị loại.

Như vậy, sau khi loại các biến quan sát không đạt yêu cầu, số biến quan sát còn lại là 20 và các biến thành phần trong nghiên cứu đều có hệ số tin cậy cao. Hệ số Cronbach Alpha của ý định vay là 0,8614; của biến thái độ là 0,8441; của điều kiện vay vốn là 0,8070; của biến trách nhiệm là 0,7977; của sự thuận tiện là 0,7523.

Kết quả phân tích khám phá EFA

Phân tích nhân tố khám phá được sử dụng để kiểm định giá trị các khái niệm của thang đo. Những biến quan sát nào có trọng số tải nhân tố nhỏ hơn 0,4 sẽ bị loại (Clack & Watson, 1995). Trong nghiên cứu này, phương pháp trích hệ số thành phần chính (Principal components) được sử dụng với phép xoay nhân tố là Varimax và chỉ số đại diện cho lượng biến thiên được giải thích bởi nhân tố lớn hơn 1 (Eigenvalue >1) (Chu Nguyễn Mộng Ngọc, Hoàng Trọng, 2005). Giá trị tổng phương sai trích lớn hơn hoặc bằng 0,5 sẽ được chấp nhận (Hair và cộng sự, 1998, Holmes-Smith, 2001).

Trong phân tích khám phá, kết quả có 4 nhân tố được rút ra với tổng phương sai trích bằng 72,921%. Các thành phần có hệ số chuyển tải đạt yêu cầu (> 0,5) đảm bảo

mức ý nghĩa trong phân tích nhân tố. Hệ số KMO = 0,757; mức ý nghĩa Sig. = 0,000 cho thấy phân tích nhân tố là thích hợp và giả thuyết về ma trận tương quan tổng thể là ma trận đồng nhất bị bác bỏ, tức là các biến có tương quan với nhau và thỏa mãn điều kiện trong phân tích nhân tố.

Kết quả rút trích thành phần nhân tố ý định vay có một nhân tố được rút ra với tổng phương sai trích bằng 64,947%. Các thành phần có hệ số chuyển tải đạt yêu cầu, dao động từ 0,571 - 0,910 (> 0,5), đảm bảo mức ý nghĩa trong phân tích nhân tố. Hệ số KMO = 0,566; mức ý nghĩa Sig. = 0,000

Kết quả phân tích hồi qui và kiểm định giả thuyết

Kết quả phân tích hồi qui cho thấy,

BẢNG 1. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÁM PHÁ EFA

	Component			
	1	2	3	4
thaido4	0,862			
thaido1	0,847			
thaido2	0,810			
thaido3	0,731			
dikien1		0,827		
dikien2		0,728		
dikien4		0,694		
dikien3		0,637		0,496
thutie2			0,886	
thutie3			0,877	
thutie1			0,779	
tranhi1				0,822
tranhi6				0,744
tranhi2				0,744

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra

BẢNG 2. KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MÔ HÌNH HỒI QUI

Tên biến	Kí hiệu	Hệ số hồi qui		
		B	t	Sig.
Hằng số	(Constant)	0,006	0,143	0,887
Thái độ/sở thích	THAIDO	0,126	2,684	0,008
Điều kiện	DIKIEN	0,588	10,292	0,000
Trách nhiệm	TRANHI	0,110	1,428	0,155
Sự thuận tiện	THUTIE	0,423	6,835	0,000
Chỉ số R ²	R Square	0,614		
Chỉ số R ² điều chỉnh	Adjusted R Square	0,608		
Thống kê F	F (Sig)	94,743 (0,000)		
Giá trị Durbin-Watson	DW	2,132		

Nguồn: Tính toán từ số liệu điều tra

mô hình đã giải thích được 60,8% về ảnh hưởng của các yếu tố nghiên cứu tới ý định vay vốn kinh doanh của các hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh Nam Định, trong đó hầu hết các tham số ước lượng trong mô hình đều có ý nghĩa thống kê, ngoại trừ yếu tố trách nhiệm và có dấu như mong đợi, phù hợp với giả thuyết nghiên cứu.

Yếu tố về điều kiện vay (DIKIEN) có tác động lớn nhất đến ý định vay vốn của hộ kinh doanh cá thể. Điều này có thể thấy rằng, nếu các điều kiện vay thông thoáng thì những hộ kinh doanh cá thể này sẽ có ý định tiếp cận với nguồn vốn tín dụng nhiều hơn.

Sự thuận tiện (THUTIE) có tác động thuận chiều với ý định vay vốn. Điều này cho thấy, nếu những thủ tục vay đơn giản, với ít loại giấy tờ mà hộ kinh doanh cần thực hiện, thì chắc chắn sẽ làm tăng ý định vay vốn.

Yếu tố thái độ (THAIDO) cũng có tác động dương tới ý định vay vốn đối với hộ kinh doanh và có ý nghĩa thống kê ở mức 10%. Yếu tố này cho thấy những hộ kinh doanh cá thể rất coi trọng và kỳ vọng đối nguồn vốn vay từ tổ chức tín dụng chính thức. Nếu tiếp cận được vốn vay, họ sẽ có những điều kiện thuận lợi trong việc phát triển sản xuất để tăng thu nhập và cải thiện đời sống.

Trách nhiệm gia đình (TRANHI) có tác động thuận chiều tới ý định vay vốn

của chủ hộ. Điều này có thể lý giải rằng, nếu hộ kinh doanh biết cách sử dụng đồng vốn và nâng cao hiệu quả trong kinh doanh sẽ dẫn tới ý định đối với khoản vay lớn hơn. Tuy vậy, trong mô hình kiểm định, biến số này không có ý nghĩa thống kê.

KIẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, thái độ của hộ kinh doanh đối với những khoản tín dụng là khá quan trọng. Điều này sẽ có tác động tích cực trong việc hình thành ý định vay vốn, một khi các hộ kinh doanh tin tưởng và yên tâm đối với nguồn tín dụng chính thức được cung cấp từ phía ngân hàng. Ngoài ra, sự thuận tiện trong các thủ tục sẽ là yếu tố thúc đẩy tích cực đối với ý định vay. Do vậy, trong chính sách tín dụng đối với hộ kinh doanh khó khăn, hộ cận nghèo và đặc biệt là hộ nghèo thì các thủ tục vay vốn càng đơn giản, giảm giấy tờ, sự rườm rà và phiền hà sẽ càng hữu ích đối với họ, giúp các hộ kinh doanh này dễ dàng tiếp cận được nguồn tín dụng vốn vay tại ngân hàng.

Vận dụng mô hình lý thuyết TPB trong giải thích ý định vay vốn đối với hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn tỉnh Nam Định mới dừng lại ở mức độ kiểm định ý định vay đối với các biến quan sát, nên tính khái quát trong mô hình nghiên cứu còn chưa cao. Mức độ khái quát và tính thuyết phục của nghiên cứu sẽ cao hơn nếu mô hình nghiên cứu đánh giá được tác động thể hiện từ ý định vay đến việc thực hiện khoản vay đối với hộ kinh doanh cá thể này và được kiểm định các thang đo lường bằng mô hình phương trình cấu trúc. Đây cũng là một hướng cho những nghiên cứu tiếp theo của nhóm tác giả. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Hồng Mạnh, Hạ Thị Thiều Dao (2010). Các yếu tố ảnh hưởng tới ý định sử dụng dịch vụ tín dụng vốn vay chính thức tại ngân hàng đối với hộ ngư dân ven biển tại tỉnh Khánh Hòa. *Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*, (số 18), tr. 27 - 32.
2. Mai Thanh (8/12/2011). *Phát triển hộ kinh doanh cá thể: Cần sự hỗ trợ của nhà nước*. Truy cập tại: <http://ddd.com.vn/2011/1208021810787cat44/phan-trien-ho-kinh-doanh-ca-the-can-su-ho-tro-cua-nha-nuoc.htm>.
3. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2005). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Nxb Thống kê.
4. Ajzen, I., Fishbein, M. (1980). *Understanding attitudes and Predicting social Behavior*. Englewood Cliffs, Prentice-Hall, New Jersey.
5. Ajzen, I. (1991). *The Theory Of Planned Behavior*. Organization Behavior and Human a Decision Processes, Vol. 50, pp.179-211.
6. Ajzen, I. and Fishbein, M. (1975). *Belief, Attitude, Intention, and Behavior*. Addison-Wesley Publishing Company, Inc.
7. Cohen, M.J. (2005). Consumer credit, household financial management, and sustainable consumption. *International Journal of Consumer Studies*, Vol.10, pp. 1-13.
8. Hair, J.F.J., Anderson et all (1998). *Multivariate Data Analysis*. 5th Edition, Prentice Hall, Upper Saddle River, New Jersey.
9. Holmes-Smith, P., (2001). *Introduction to Structural Equation Modelling using LISREL*. Perth, ACSPRI-Winter training program.
10. Clack, A. L., Watson, D. (1995). *Constructing Validity: Basic Issues in Objective Scale Development*. Psychological Assessment, Vol.7, No.3, pp.309-319.